

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HS-ST  
Ngày 08-11-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phi Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thào Thị Tùng và ông Lê Văn Lai

*Thư ký phiên tòa:* Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2023/TLST-HS ngày 03/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HS ngày 23/10/2023 đối với:

- *Bị cáo:*

**Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 28/9/1995 tại xã XG, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn M 1, xã XG, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Tr và bà Doãn Thị M. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Phạm Ngọc G – Luật sư Công ty Luật hợp danh TV, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đoàn Quang T1, bà Trần Thị Th. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 01, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Điều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà Th: Chị Đoàn Thị Thúy N. Địa chỉ: Tổ dân phố số 01, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Doãn Thị M. Địa chỉ: Thôn M1, xã XG, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Tr. Địa chỉ: Thôn M 1, xã XG, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Tổ dân phố số 02, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm Viết Q. Địa chỉ: Tổ dân phố số 02, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Th. Địa chỉ: Tổ dân phố số 01, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, Nguyễn Văn T chuẩn bị áo mưa, mũ bảo hiểm, găng tay, búa, kìm, dao, kính đeo mắt, khẩu trang rồi điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 24B2 – 715.02 đi đến cửa hàng vàng bạc TTh (địa chỉ: tổ dân phố số 1, thị trấn TL, huyện BT, tỉnh Lào Cai do chị Đoàn Thị Thúy N, sinh năm 1991 trông coi cửa hàng) với mục đích để cướp vàng trong cửa hàng. Khi đi cách nhà khoảng 200m thì T dừng xe, dùng kìm để tháo biển số xe và 2 gương chiếu hậu rồi cắt tất cả vào cốp của xe; sau đó T mặc áo mưa, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm và đeo găng tay vải và điều khiển xe đi ngang qua cửa hàng vàng bạc TTh, quan sát từ ngoài vào thấy không có người trong cửa hàng, T rẽ vào lối bên phải vào ngõ nhỏ dừng xe để đeo thêm đôi găng tay cao su rồi điều khiển xe đi ngang qua cửa hàng TTh một lần nữa và dừng xe ở ven đường. T mở bao tải ra cầm chiếc búa và con dao đi vào cửa hàng vàng bạc TTh. T dùng tay trái cầm chiếc búa đập 04 phát vào tấm kính chắn phía trước tủ làm vỡ ra khoảng trống và số vàng đang trưng bày trong tủ rồi để dao và búa lên mặt kính tủ rồi dùng 2 tay lấy vàng trong tủ. Trong lúc đang lấy vàng thì chị N đi từ trong bếp ra nhìn thấy rồi hô “cướp!”. Thấy chị N xuất hiện, T liền cầm chiếc búa bằng tay phải lên giơ về phía chị N rồi liền đặt lại chiếc búa trên mặt kính và tiếp tục cầm con dao lên giơ về phía chị N, thấy vậy N liền chạy quay lại phía bếp. Sau khi chị N bỏ chạy, tay phải T vẫn cầm dao, tay trái đang cầm vàng và cho vào túi áo mưa ở hông bên trái, T tiếp tục dùng tay trái lấy vàng trong tủ và cho vào túi áo mưa lần thứ hai thì không cho vào túi được mà làm rơi hết ra nền nhà. Do bị rơi hết nên T tiếp tục dùng tay trái lấy vàng lần thứ ba, tay phải đang cầm dao và búa trên mặt tủ kính bỏ chạy ra xe. Khi ra đến chỗ dựng xe, T để số vàng đang cầm trên tay trái vào hộc để đồ phía trước bên

trái xe còn dao và búa đặt ở sàn để chân rồi điều khiển xe bỏ chạy về nhà mình. Sau khi T bỏ chạy, chị N có hô hoán hàng xóm đến giúp đỡ và nhặt số vàng bị rơi trên mặt đất giao cho chị N cất giữ. Sau khi về đến nhà T cởi bỏ áo mưa, găng tay, mũ bảo hiểm, quần ra rồi lấy số vàng trong túi áo mưa, hộc để đồ trên xe máy ra cho vào túi nilon buộc lại cho vào trong chum rượu để ở trong bếp của gia đình và lắp lại biển số xe máy lại như ban đầu. Căn cứ nguồn tin trình báo của công dân đến 19 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh Lào Cai đã tiến hành thu giữ 21 chiếc nhẫn và 39 dây chuyền kim loại cùng công cụ, phương tiện mà T đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và tạm giữ đối với Nguyễn Văn T để điều tra.

- Tại Kết luận giám định số 4938/C09-P4 ngày 05/7/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 21 chiếc nhẫn màu vàng và 39 sợi dây chuyền màu vàng gửi giám định đều là hợp kim vàng - bạc - đồng - kẽm, trong đó hàm lượng vàng trung bình từ 40% đến 72%.

- Tại Kết luận giám định số 5054/KL-KTHS ngày 12/7/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Trên 01 áo mưa, 01 găng tay cao su và 03 mảnh kính vỡ gửi giám định có bám dính máu của Nguyễn Văn T. Các chất màu nâu đỏ nghi máu thu được trên mặt kính, mặt gỗ bàn quỳ, trên nền nhà, tại vị trí ốp nhựa phía trên giá để chân trước bên phải là máu người và là máu của Nguyễn Văn T.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 17/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BT, kết luận: 21 chiếc nhẫn kim loại màu vàng và 39 chiếc dây chuyền kim loại màu vàng có tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 286.746.000 đồng.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKST-P2 ngày 30/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cướp tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 – 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 04 bì niêm phong, 02 thùng cát tông chứa các vật chứng của vụ án.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION kèm theo 01 đăng ký xe thu giữ của bị cáo cho bà Doãn Thị M.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng do người nhà bị cáo nộp để khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b, s, h khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 08 – 09 năm tù. Trả lại chiếc xe máy đã thu giữ của bị cáo cho bà Doãn Thị M.

Người đại diện bị hại phát biểu ý kiến: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu bồi thường, buộc bị cáo bồi thường số tiền 291.152.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, bị cáo Nguyễn Văn T đã chuẩn bị áo mưa, mũ bảo hiểm, găng tay, búa, kìm, dao, kính đeo mắt, khẩu trang rồi điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng vàng bạc TTh với mục đích để cướp vàng trong cửa hàng. Đến nơi, T cầm chiếc búa và con dao đi vào cửa hàng vàng bạc TTh rồi dùng tay trái cầm chiếc búa đập 04 phát vào tấm kính chắn phía trước tủ làm vỡ ra khoảng trống và số vàng đang trưng bày trong tủ rồi để dao và búa lên mặt kính tủ rồi dùng 2 tay lấy vàng trong tủ. Trong lúc đang lấy vàng thì chị N đi từ trong bếp ra nhìn thấy rồi hô “cướp!”.

Thấy chị N xuất hiện, T liền cầm chiếc búa bằng tay phải lên giơ về phía chị N rồi liền đặt lại chiếc búa trên mặt kính và tiếp tục cầm con dao lên giơ về phía chị N, thấy vậy N liền chạy quay lại phía bếp. T tiếp tục lấy một số vàng nữa rồi bỏ chạy. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày T bị cơ quan điều tra Công an huyện BT bắt giữ. Tài sản T đã cướp là 21 chiếc nhẫn kim loại màu vàng và 39 chiếc dây chuyền kim loại màu vàng có tổng giá trị là 286.746.000 đồng.

Hành vi bị cáo sử dụng dao, búa là những vũ khí nguy hiểm giơ về phía chị N, là người đang quản lý tài sản, khi chị N phát hiện thấy hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Cướp tài sản”. Kháng định bản cáo trạng số 53/CT-VKS-P2 ngày 30/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### [3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định, cần áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt cũng bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, cần chấp nhận. Mức án người bào chữa cho bị cáo đề nghị là thấp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

### [4] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện theo ủy quyền của các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường như sau:

- Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền: 90.000.000 đồng

- Bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 201.152.000 đồng

Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với yêu cầu của người đại diện bị hại về tiền bồi thường tổn thất tinh thần: Trong vụ án này, các bị hại không phải chịu thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, do đó không thuộc trường hợp được bồi thường tổn thất tinh thần.

Đối với yêu cầu của người đại diện bị hại về tiền bồi thường thiệt hại 201.152.000 đồng: Xét thấy, qua quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, không có căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt 74,501 chỉ vàng 10k, quy ra tiền là 201.152.000 đồng của bị hại. Vì vậy không có căn cứ để buộc bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 201.152.000 đồng cho các bị hại.

[5] Về vật chứng

04 bì niêm phong, 02 thùng cát tông chứa các vật chứng của vụ án: Là vật có liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bà Doãn Thị M thu giữ của bị cáo: Là phương tiện bị cáo sử dụng để di chuyển, có liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên đây là tài sản của bà Doãn Thị M. Bà M không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần trả lại cho bà Doãn Thị M.

Số tiền 15.000.000 đồng do người nhà bị cáo nộp để khắc phục hậu quả: Cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*”

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 29/6/2023.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

\* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong của Công an huyện BT, mặt trước ghi “02 mảnh kính bằng thủy tinh và 01 kệ để nhẫn bằng nhựa do Nguyễn Văn T giao nộp ngày 29/06/2023”, mặt sau có chữ ký của thành phần niêm phong và 04 dấu tròn của UBND xã XG.

- 01 (một) phong bì niêm phong của Công an huyện BT, mặt trước ghi “thu dấu vết màu nâu đỏ nghi là máu tại vị trí ốp nhựa phía dưới mặt đồng hồ xe máy”, mặt sau có chữ ký của thành phần niêm phong và 04 dấu tròn của UBND xã XG.

- 01 (một) phong bì niêm phong của Công an huyện BT, mặt trước ghi “thu dấu vết màu nâu đỏ nghi là máu tại vị trí phía bên phải yên xe máy”, mặt sau có chữ ký của thành phần niêm phong và 04 dấu tròn của UBND xã XG.

- 01 (một) phong bì niêm phong của Công an huyện BT, mặt trước ghi “thu dấu vết màu nâu đỏ nghi là máu tại vị trí phía dưới đầu yên xe máy bên trái”, mặt sau có chữ ký của thành phần niêm phong và 04 dấu tròn của UBND xã XG.

- 01 (một) thùng bìa cát tông bên trong đựng 01 mũ bảo hiểm, 01 búa đinh, 01 dao phay, 01 kìm, 01 khẩu trang, 01 kính đeo mắt, 01 túi ni lông.

- 01 (một) thùng bìa cát tông niêm phong, mặt trước ghi “01 quần dài, 01 găng tay cao su bên phải và 01 đôi găng tay vải màu đen thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Anh T ngày 29/6/2023” mặt sau có chữ ký của thành phần niêm phong và dấu tròn của UBND xã XG.

- 01 (một) thùng bìa cát tông do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai niêm phong, bên trong gồm: 01 áo mưa, 01 găng tay cao su và các mảnh kính vỡ, tại các mép dán có chữ ký của người tham gia niêm phong và 04 dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai.

\* Trả lại cho bà Doãn Thị Miến: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision mang biển số 24B2-71502, màu sơn đen xám, số khung: 5836KY235697, số máy: JF86E2245734, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong kèm theo 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 147411 mang tên Doãn Thị M, biển số đăng ký 24B2-71502, đăng ký lần đầu ngày 04/12/2019 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp.

\* Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

*(Vật chứng là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện đang được gửi trong tài khoản số 3949.0.9051074 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai theo Giấy nộp tiền ngày 28/8/2023. Những vật chứng còn lại được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng số 69 ngày 02/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).*

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT CA tỉnh;
- CQTHAHS CA tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Bị hại; ĐD Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người QLNVLQ;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Phi Long**